TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐÔN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc

Bản án số:08/2017/HNGĐ-ST
Ngày 31/8/2017.
V/v: "*Không công nhận vợ chồng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐÔN-TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Xuân Sơn.

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Y Đương Niê – Chủ tịch Hội cựu chiến binh huyện Buôn Đôn.
- Ông Y Ngọc Niê – Bí thư Đoàn xã Ea Nuôl, huyện Buôn Đôn.

Thư ký phiên toà: Ông Đinh Ngọc lương –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2017 tại Hội trường xét xử - Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk xét xử theo thủ tục thông thường vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 85/2017/TLST-HNGĐ ngày 05/7/2017 vụ án "*Không công nhận vợ chồng*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/QĐST-HNGĐ ngày 01/8/2017. Giữa các đương sự:

Nguyên Đơn**:** Chị Huỳnh Thị N – sinh năm 1977.

Bị Đơn: Anh Nguyễn Tấn H – sinh năm 1975.

Cùng trú tại Thôn X, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk- đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết chị Huỳnh Thị N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Tấn H về sống chung với nhau vào năm 1998 không đăng ký kết hôn về sống chung tự nguyện.

Trong quá trình chung sống anh, chị thường xuyên mâu thuẫn do tính tình không hợp. Nay chị thấy không hàn gắn được hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài. Do đó, anh, chị đã sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay, chị đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận vợ chồng với anh Nguyễn Tấn H.

- Về con chung: Có 03 con chung tên là Nguyễn Thị Hồng H – sinh ngày 08/03/1999 (trên 18 tuổi) ; Nguyễn Thị Hồng Y – sinh ngày 19/6/2000; Nguyễn Thị Hồng T – sinh ngày 03/6/2008, đối với con là Nguyễn Thị Hồng H đã thành niên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, đã tự lập, theo chị N thì ở với ai là do con quyết định. Còn 02 con Nguyễn Thị Hồng Y, Nguyễn Thị Hồng T chị xin được nuôi con tên là Nguyễn Thị Hồng T và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Còn

Nguyễn Thị Hồng Y chị để cho anh H nuôi dưỡng chăm sóc.

- Về tài sản chung: Có 01 lô đất diện tích 1.032 m^2, thửa đất số 145, tờ bản đồ số 03, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 540409 do sở Tài nguyên – Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 24/5/2017 chị N đề nghị phân chia theo pháp luật.Tuy nhiên, ngày 24/7/2017 chị làm đơn xin rút phần yêu cầu chia tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Tấn H trình bày: Lời trình bày của chị Huỳnh Thị N nêu trên là đúng, anh đồng ý đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng với chị N.

- Về con chung: Anh đồng ý với đề nghị của chị Huỳnh Thị N anh không có ý kiến gì.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình hòa giải tại Tòa án cũng như tại phiên tòa anh H chị N thống nhất thỏa thuận được như sau:

- Về con chung: Có 03 con chung tên là Nguyễn Thị Hồng H – sinh ngày 08/03/1999 (trên 18 tuổi) , Nguyễn Thị Hồng Y – sinh ngày 19/6/2000, Nguyễn Thị Hồng T – sinh ngày 03/6/2008. đối với con là Nguyễn Thị Hồng H đã thành niên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, đã tự lập, theo chị N thì ở với ai là do con quyết định

Còn 02 con Nguyễn Thị Hồng Y và Nguyễn Thị Hồng T chị Huỳnh Thị N nuôi con tên là Nguyễn Thị Hồng T, anh Nguyễn Tấn H nuôi con tên là Nguyễn Thị Hồng Y và không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị N rút yêu cầu phân chia tài sản chung, anh H đồng ý và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 6 Điều 27, Điều 164, Khoản 2 Điều 244, Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 20 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị N.

Áp dụng khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

-Tuyên bố: Không công nhận vợ chồng giữa chị Huỳnh Thị N và anh Nguyễn Tấn H.

Về con chung: có 03 con chung gồm:

-Nguyễn Thị Hồng H – sinh ngày 08/03/1999 (trên 18 tuổi) đã thành niên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, đã tự lập nên ở với ai là do con quyết định.

Đối với các con:

-Nguyễn Thị Hồng Y – sinh ngày 19/6/2000.

-Nguyễn Thị Hồng T – sinh ngày 03/6/2008.

Công nhận sự thỏa thuận về nuôi con như sau: Chị Huỳnh Thị N nhận nuôi con tên là Nguyễn Thị Hồng T, anh Nguyễn Tấn H nhận nuôi con tên là Nguyễn Thị Hồng Y và không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là phù hợp cần chấp nhận.

Về nợ chung: Không ai nợ và vợ chồng không nợ ai vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu về phân chia tài sản chung của chị Huỳnh Thị N; nếu sau này chị N khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

+ Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Huỳnh Thị N và anh Nguyễn Tấn H về chung sống với nhau từ năm 1998, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật về Hôn nhân và gia đình. Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: "..Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận vợ chồng…". Hiện chị N và anh H đều thấy tình cảm không còn, tính tình không hợp, không hàn gắn được hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng, việc chị N đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng với anh H là có căn cứ để chấp nhận.

[2] Về con chung: có 03 con chung gồm:

-Nguyễn Thị Hồng H – sinh ngày 08/03/1999 (trên 18 tuổi) đã thành niên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, đã tự lập nên ở với ai là do con quyết định.

Đối với các con:

-Nguyễn Thị Hồng Y – sinh ngày 19/6/2000.

-Nguyễn Thị Hồng T – sinh ngày 03/6/2008.

Cần công nhận sự thỏa thuận về nuôi con như sau: Chị Huỳnh Thị N nhận nuôi con tên là Nguyễn Thị Hồng T, anh Nguyễn Tấn H nhận nuôi con tên là Nguyễn Thị Hồng Y và không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là phù hợp cần chấp nhận.

[3] Về nợ chung: Không ai nợ và vợ chồng không nợ ai vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập xem xét

[4] Về tài sản chung: Chị Huỳnh Thị N xin rút phần yêu cầu chia tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, xét thấy việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện do đó Hội đồng xét xử cần căn cứ khoản 2 điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ yêu cầu về phân chia tài sản của chị N; nếu sau này chị N khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Chị N không phải chịu án phí đối với phần yêu cầu về tài sản.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 và Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Huỳnh Thị N phải nộp 300.000đ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đ trong số tiền 4.550.000 đồng tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị N đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Buôn Đôn theo biên lai số 0003481 ngày 05/7/2017, do chị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử nên trả lại cho chị N số tiền còn lại là 4.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 6 Điều 27, Điều 164, Khoản 2 Điều 244, Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 20 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Chị Huỳnh Thị N.

Áp dụng khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

-Tuyên bố: Không công nhận vợ chồng giữa chị Huỳnh Thị N và anh Nguyễn Tấn H.

+ Về con chung: có 03 con chung gồm:

-Nguyễn Thị Hồng H – sinh ngày 08/03/1999 (trên 18 tuổi) đã thành niên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, đã tự lập nên ở với ai là do con quyết định.

Đối với các con:

-Nguyễn Thị Hồng Y – sinh ngày 19/6/2000.

-Nguyễn Thị Hồng T – sinh ngày 03/6/2008.

Công nhận sự thỏa thuận về nuôi con như sau: Chị Huỳnh Thị N nhận nuôi con tên là Nguyễn Thị Hồng T, anh Nguyễn Tấn H nhận nuôi con tên là Nguyễn Thị Hồng Y và không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập xem xét.

+ Về nợ chung: Không ai nợ và vợ chồng không nợ ai vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

+ Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu về phân chia tài sản của chị Huỳnh Thị N; nếu sau này chị N khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết

bằng vụ án khác.

+ Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 và Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Huỳnh Thị N phải nộp 300.000đ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đ trong số tiền 4.550.000 đồng tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị N đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Buôn Đôn theo biên lai số 0003481 ngày 05/7/2017, do chị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử nên trả lại cho chị N số tiền còn lại là 4.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắklắk;
- VKSND huyện B;
- Caùc ñöông sự;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã E, huyện B;
- Lưu HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Bùi Xuân Sơn